TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 391/2021/HSST
Ngày: 19-10-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Ông Mai Thanh Giàu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên toà*:** Bà Lê Thị Thanh Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 348/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 477/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu Minh T, tên gọi khác: không; sinh ngày 20/01/2000 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa: 03/12; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1963 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1968; gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/6/2021. Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị hại*: Anh Đoàn Khải N, sinh ngày 31/01/2002 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 387/MH ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: Đường 6B, LDA Đ, khu phố 2, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị NLQ1, sinh năm: 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Chị NLQ2, sinh năm: 1990 (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: khu vực L, phường L, quận O, thành phố Cần Thơ.

Tạm trú: 792/40 Đoàn Văn Bơ, Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chị NLQ3, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 257/59 Đ, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 792/40 G, Phường 1I, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 01/6/2021, T và N ngủ tại nhà tập thể dành cho bảo vệ số 783/4/16 đường 6B, khu dự án Đại học Bách Khoa, khu phố 2, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức. Lúc ngủ, N để chìa khóa xe mô tô biển số 71C2-359.51, phía bên tay phải, cách khoảng 40 cm. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, T thức dậy thấy N còn ngủ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của N, T lén lút lấy chìa khóa xe, đi xuống tầng trệt (phòng khách) nơi N dựng xe mô tô biển số 71C2-359.51 mở khóa đề máy xe chạy về hướng thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Khoảng 18 giờ 10 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 71C2-359.51 đến nhà nghỉ Thảo Trang, địa chỉ: khu dân cư Việt Sing, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương do chị NLQ1, sinh năm: 1985 làm chủ. T gửi xe mô tô biển số 71C2-359.51 tại bãi giữ xe của nhà nghỉ, mở cốp xe thấy 01 bóp da màu đen của anh N, lấy chứng minh nhân dân của N trong bóp đưa cho lễ tân thuê Phòng số 11 của Nhà nghỉ. Tại Phòng nghỉ số 11, T kiểm tra trong bóp có 8.532.000 đồng nên lấy tiền cất vào túi quần còn bóp da và giấy tờ T giấu dưới nệm. Đến khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, T để xe của anh N tại bãi giữ xe của Nhà nghỉ, bắt xe grapbike đến phòng trọ (không có số, phòng ở cuối dãy nhà trọ) của bạn gái là chị NLQ2 tại địa chỉ số 792/40 Đoàn Văn Bơ, Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. T đưa cho NLQ2 6.032.000 đồng, trong đó 3.500.000 đồng là để trả nợ cho T và nhờ NLQ2 giữ 2.532.000 đồng. Sau đó, T đi qua phòng trọ (không có số), phòng đầu của dãy nhà trọ của chị họ là chị NLQ3 tại cùng địa chỉ và đưa cho NLQ3 1.000.000 đồng để trả nợ rồi T quay lại phòng của bạn gái. T nói với NLQ2 và NLQ3 đây là tiền mới nhận lương.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, anh N thức dậy thấy mất chìa khóa và T không có ở trong phòng nên đi xuống phòng khách nơi để xe thì phát hiện xe mô tô biển số 71C2-359.51 của mình bị mất nên liên lạc với T nhưng không liên lạc được.

Ngày 03/6/2021, T và N hẹn nhau đến công an phường Phú Hữu để làm rõ sự việc. Tại Công an phường Phú Hữu, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Cùng ngày, Công an phường Phú Hữu đưa T đến Nhà nghỉ Thảo Trang thu giữ xe mô tô biển số 71C2-359.51, chứng minh nhân dân của anh N, bóp da màu đen cùng các loại giấy tờ khác có bên trong bóp da.

Ngày 04/6/2021, tại Công an phường Phú Hữu, chị NLQ2 tự nguyện đến giao nộp số tiền 6.032.000 đồng mà T nhờ An giữ giùm, chị NLQ3 tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 đồng mà T chiếm đoạt của N.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Đức, T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 284/KV2/KLĐG-HĐĐGTS ngày 09/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự thành phố Thủ Đức kết luận: xe mô tô biển số 71C2-359.51 nhãn hiệu Wave RSX, màu đỏ đen, có số máy JA31E0407599, số khung 3129EY067921, tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị 13.200.000 đồng.

Đối với bóp da màu đen cũ không nhãn hiệu, không xuất xứ, không chủng loại, không hóa đơn chứng từ nên Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự thành phố Thủ Đức căn cứ điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/2018 của Chính Phủ từ chối giám định.

Tổng giá trị tài sản mà T chiếm đoạt của anh N là 21.732.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

Số tiền 7.032.000 đồng; 01 bóp da màu đen; 01 giấy đăng ký xe tên Đoàn Văn Trí; 01 Giấy phép lái xe tên Đoàn Khải N; 02 Thẻ Sinh viên tên Đoàn Khải N; 01 Thẻ ngân hàng Agribank tên Đoàn Khải N; 01 Thẻ Ngân hàng Viettinbank tên Nguyễn Thị Bé Hai (Nguyễn Thị Bé Hai là mẹ ruột của N); 01 thẻ Ngân hàng BIDV tên Nguyễn Thị Bé Hai (mẹ ruột N); 01 chứng minh nhân dân tên Đoàn Khải N; 01 xe mô tô biển số 71C2-359.51 nhãn hiệu Wave RSX, màu đỏ đen, có số máy JA31E0407599, số khung 3129EY067921;

Các vật chứng trên, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Đức đã trả cho Đoàn Khải N.

Thu giữ của Nguyễn Hữu Minh T 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 màu đen số IMEI1: 860646040993551, số IMEI2: 860646040993544, nhập kho vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Đoàn Khải N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác. Đối với số tiền 1.500.000 đồng, N cho T không yêu cầu T trả và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Hữu Minh T.

Cáo trạng số 289/CTr-VKSTPTĐ ngày 19/8/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức giữ N quan điểm đã truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Minh T từ 09 tháng đến 01 năm tù.

- Bị cáo có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18/10/2021, bị cáo T xác nhận đã nhận được Cáo trạng của Viện kiểm

sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội và giữ N các lời khai trong quá trình điều tra, bị cáo xin được giảm nhẹ một phần hình phạt, không có ý kiến gì trình bày thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Đức, của Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức trong quá trình điều tra truy tố là thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Hữu Minh T có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt nộp cho Tòa án. Xét, Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bị cáo là hợp lệ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo T theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2]. Xét, quá trình tố tụng, bị cáo Nguyễn Hữu Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo đều thống nhất với nhau trong các Bản tự khai, Bản tường trình; Biên bản ghi lời khai; Biên bản hỏi cung bị can và phù hợp với: Biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm ngày 03/6/2021 của Công an phường Phú Hữu, Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 04/6/2021 của Công an phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 03/6/2021 (bút lục 23,24); Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 04/6/2021 (bút lục 25, 26); Kết luận định giá tài sản số 284-KV2/KLĐG-HĐĐGTS ngày 09/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; Phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 01/6/2021, tại nhà tập thể dành cho bảo vệ, địa chỉ: Số 783/4/16 đường 6B, khu dự án Đại học Bách Khoa, khu phố 2, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ tài sản, bị cáo Nguyễn Hữu Minh T đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếm đoạt xe mô tô biển số 71C2-359.51 do anh Đoàn Khải N là chủ sở hữu cùng với số tiền 8.532.000 đồng có trong bóp anh N để trong cốp xe mô tô biển số 71C2-359.51 với mục đích bán xe mô tô trên để lấy tiền cùng với số tiền có trong cốp xe để tiêu xài. Xe mô tô biển số 71C2-359.51 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 13.200.000 đồng, tổng giá trị tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt của anh Đoàn Khải N là 21.732.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Hữu Minh T

đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3]. Bị cáo biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái và bị pháp luật trừng trị nhưng do tham lam và coi thường pháp luật nên bị cáo đã bất chấp, cố ý lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 71C2-359.51 cùng số tiền 8.532.000 đồng của chủ sở hữu. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo T hoàn toàn có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi trộm cắp tài sản do bị cáo Nguyễn Hữu Minh T thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ và ảnh hưởng xấu đến cuộc sống bình thường của người dân xung quanh. Tuy nhiên cũng xét, bị cáo Nguyễn Hữu Minh T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại là anh Đoàn Khải N và anh N cũng có Đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (bút lục 32); quá trình điều tra bị cáo thành khẩn nhận tội khai báo đầy đủ và có thái độ ăn năn hối hận; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt để giảm cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Do đó, khi quyết định hình phạt, căn cứ Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, cần áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định khung hình phạt cần áp dụng, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp thuận một phần.

[4]. Xử lý vật chứng vụ án:

- Số tiền 7.032.000 đồng;
- 01 bóp da màu đen;
- 01 giấy đăng ký xe tên Đoàn Văn Trí;
- 01 Giấy phép lái xe tên Đoàn Khải N;
- 02 Thẻ Sinh viên tên Đoàn Khải N;
- 01 Thẻ ngân hàng Agribank tên Đoàn Khải N;
- 01 Thẻ Ngân hàng Viettinbank tên Nguyễn Thị Bé Hai (Nguyễn Thị Bé Hai là mẹ ruột của N);
- 01 thẻ Ngân hàng BIDV tên Nguyễn Thị Bé Hai (mẹ ruột N);
- 01 chứng minh nhân dân tên Đoàn Khải N;
- 01 xe mô tô biển số 71C2-359.51 nhãn hiệu Wave RSX, màu đỏ đen, có số máy JA31E0407599, số khung: 3129EY067921 đứng tên chủ sở hữu là ông Đoàn Văn Trí là cha ruột của bị hại. Quá trình điều tra, ông Trí xác nhận ông là người mua xe mô tô biển số 71C2-359.51 vào năm 2016 bằng tiền cá nhân của

ông và đến năm 2020 con trai ông đến Thành phố Hồ Chí Minh học tập nên giao xe cùng với Giấy đăng ký xe cho con trai là Đoàn Khải N quản lý, sử dụng làm phương tiện đi lại. Vì là cha con nên ông không làm thủ tục sang tên đổi chủ cho con trai và ông cũng đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra giao lại xe mô tô nêu trên cho con trai ông là Đoàn Khải N, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác (bút lục 45).

Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Đức đã trả các vật chứng trên cho Đoàn Khải N là đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử không cần xem xét thêm;

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 màu đen số IMEI1: 860646040993551, số IMEI2: 860646040993544 Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo T. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo. (Quyết định chuyển vật chứng số 157/QĐVKS ngày 19/8/2021 của Viện kiểm sát thành phố Thủ Đức và Phiếu nhập kho ngày 23/9/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức).

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đoàn Khải N nhận lại toàn bộ tài sản theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu (bút lục 78). Anh N không có yêu cầu bồi thường nào khác, số tiền 1.500.000 đồng bị cáo T đã tiêu xài hết, anh N cũng không yêu cầu bồi thường (bút lục 96-98) và có Đơn xin bãi nại (bút lục 32) xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo T nên Hội đồng xét xử không cần xem xét thêm về bồi thường dân sự cho bị hại.

[6]. Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Xét lời khai của chị NLQ1 chủ nhà nghỉ Thảo Trang, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi bị cáo T chiếm đoạt xe mô tô biển số 71C1-359.51 của Đoàn Khải N, đến thuê phòng nghỉ, gửi xe mô tô trên tại nhà nghỉ và giấu bóp da cùng toàn bộ giấy tờ bên trong bóp da dưới nệm của phòng nghỉ bị cáo thuê, chị Chinh hoàn toàn không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức không có căn cứ xử lý hình sự đối với chị Chinh là phù hợp; đối với số tiền bị cáo T thuê phòng nghỉ là 70.000 đồng, bị cáo T chưa trả cho chị Chinh nhưng chị Chinh cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Xét lời khai của chị NLQ2: NLQ2 không biết số tiền 6.032.000 đồng bị cáo T nhờ giữ giùm là tiền do bị cáo T phạm tội mà có, NLQ2 đã tự nguyện giao nộp số tiền trên tại Công an phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức (bút lục 25) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức không có căn cứ xử lý hình sự đối với NLQ2 là phù hợp;

- Xét lời khai của chị NLQ3: NLQ3 không biết số tiền 1.000.000 đồng bị cáo T trả nợ chị là tiền do bị cáo T phạm tội mà có, NLQ3 đã tự nguyện giao nộp số tiền trên tại Công an phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức (bút lục 26) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức không có căn cứ xử lý hình sự đối với NLQ3 là phù hợp;

[7]. Đối với ông Đoàn Khải T (cha ruột của bị hại Đoàn Khải N):

Như đã nhận định ở trên: Quá trình điều tra, ông T xác nhận ông là người mua xe mô tô biển số 71C2-359.51 vào năm 2016 bằng tiền cá nhân của ông và năm 2020 ông đã giao xe cùng với Giấy đăng ký xe cho con trai là Đoàn Khải N quản lý, sử dụng làm phương tiện đi lại. Vì là cha con nên ông không làm thủ tục sang tên đổi chủ cho con trai và ông cũng đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra giao lại xe mô tô nêu trên cho con trai ông là Đoàn Khải N, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác (bút lục 45). Do đó, Tòa án không triệu tập ông T tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[8]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu Minh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Minh T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2021;

3. Xử lý vật chứng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Minh T 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 màu đen số IMEI1: 860646040993551, số IMEI2: 860646040993544 Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo T.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 157/QĐVKS ngày 19/8/2021 của Viện kiểm sát thành phố Thủ Đức và Phiếu nhập kho ngày 23/9/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức).

4. Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Minh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Bị cáo, những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án NDTP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Công an TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Thị Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được kháng cáo bản án. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án NDTP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Công an TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Thị Nguyệt